TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** TỈNH L	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 45/2025/QĐST-DS	*Đ, ngày 22 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 05 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 153/2025/TLST-DS ngày 10 tháng 04 năm 2025.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP X

Địa chỉ: Tầng 8 - V, 72 L, P. B, Q.1, TP.H

Đại diện theo Pháp luật: Ông Nguyễn Cảnh A - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh L (Chi nhánh L); Địa chỉ: 18-20 Khu H, P 1, Đ, L

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Thái L - Chức vụ: Giám đốc E Chi nhánh L

Ông Võ Thái L ủy quyền cho:

Bà Nguyễn Thị Thúy T và bà Trần Thị Thu H - Chức vụ: Chuyên viên phòng KHCN- E Chi nhánh L; Địa chỉ: Số 18-20 Khu H, P, Thành phố Đ, Tỉnh L

- *Bị đơn:* Vợ chồng ông Vũ Công C, sinh năm 1984 và bà Trần Thị N,

sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh L.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Vũ Công C và bà Trần Thị N đồng ý trả cho Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh L đối với khế ước số 1202-LDS-240000995 ngày 04/09/2024 số tiền gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi đến hạn (bao gồm cả lãi phạt quá hạn) chưa thanh toán tạm tính đến ngày 05/05/2025 là 113.753.425 đồng và đối với khế ước số 1202-LDS-240001491 ngày 19/12/2024 số tiền gốc 3.000.000.000 đồng và tiền lãi đến hạn (bao gồm cả lãi phạt quá hạn) chưa thanh toán tạm tính đến ngày 05/05/2025 là 57.877.119 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi đối với hai khế ước tạm tính đến ngày 05/05/2025 là 6.171.630.544 đồng (Sáu tỷ một trăm bảy mươi một triệu sáu trăm ba mươi nghìn năm trăm bốn mươi tư đồng) .

Kể từ ngày 14/05/2025 Ông Vũ Công C và bà Trần Thị N tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong khế ước số 1202-LDS-240000995 ngày 04/09/2024 và khế ước số 1202-LDS-240001491 ngày 19/12/2024 đối với số tiền vay gốc còn lại cho đến khi thi hành xong khoản tiền nợ gốc.

2.2. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Vũ Công C và bà Trần Thị N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh L thì Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh L được quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất đối với:

+ Tài sản 1: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA 166997 do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 28/03/2017.

+ Tài sản 2: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 561894 do Sở TN & MT tỉnh L cấp ngày 08/09/2017.

+ Tài sản 3: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 083031 do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 06/04/1998.

+ Tài sản 4: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 920108 do UBND huyện Đ, tỉnh L cấp ngày 09/05/2006.

2.3. Về án phí: Ông Vũ Công C và bà Trần Thị N nhận chịu 57.085.815 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm tám mươi lăm nghìn tám trăm mười lăm đồng) án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X - Chi nhánh L

số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 57.050.000 đồng (Năm mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai nộp tạm ứng án phí số 0000725 ngày 08/04/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ (do bà Trần Thị Thu H nộp thay).

2.4. Về chi phí tố tụng: Ông Vũ Công C và bà Trần Thị N nhận chịu 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) chi phí xem xét thẩm định.

3. *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.*

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh L;
- VKSND H.Đ;
- Chi cục THADS H.Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Yến Như